**Ngày soạn: ....../...../.....**

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT……: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được cấu tạo của từ Hán Việt có yếu tố “giả” nhằm phát triển vốn từ Hán Việt.

- Luyện tập về từ ghép, từ láy, biết phân biệt hai loại từ này.

- HS củng cố kiến thức về cấu tạo của cụm động từ, cụm tính từ, nắm được ý nghĩa của một số cụm động từ, cụm tính từ.

- HS luyện tập về biện pháp so sánh, biết sử dụng trong khi nói và viết.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

 Năng lực nhận diện từ Hán Việt, từ ghép, từ láy và chỉ ra được các từ loại trong văn bản, ....

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập 2, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***GV tổ chức trò chơi tiếp sức:***

Yêu cầu: ghép những đáp án sau vào bảng để được đáp án đúng

*xâm phạm*

*mặt mũi*

*gom góp*

*các tiếng có quan hệ về mặt ngữ âm.*

*đền đáp*

*lo sợ*

*tài giỏi*

*vội vàng*

*các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.*

*hốt hoảng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Từ ghép** | **Từ láy** |
| Ví dụ cụ thể: |  |  |
| Cơ sở để xác định: Dựa vào mối quan hệ giữa các tiếng trong từ |  |  |

**GV chốt và dẫn vào bài:** *Ở Tiểu học, các em đã được học về tiếng và từ. Tuy nhiên để giúp các em có thể hiểu sâu hơn và sử dụng thành thạo hơn từ tiếng việt, cô sẽ hướng dẫn cả lớp tìm hiểu trong bài Thực hành tiếng Việt.*

**Hoạt động 2: Củng cố kiến thức**

**a. Mục tiêu:** Ôn lại được các khái niệm, kiến thức về từ và nghĩa của từ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức trò chơi với các câu hỏi trắc nghiệm để thu hút học sinh chú ý vào bài và ôn lại kiến thức  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ; trả lời các câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Nghĩa của từ Hán Việt**  **Câu 1: Từ là gì?**  **A. Từ là đơn vị nhỏ nhất để đặt câu**  B. Từ là đơn vị để cấu tạo nên câu  C. Từ là chủ ngữ, vị ngữ trong câu  D. Từ là phát âm của lời nói  **Câu 2: Từ Hán Việt là từ như thế nào?**  **A. Là những từ được mượn từ tiếng Hán, trong đó tiếng để cấu tạo từ Hán Việt được gọi là yếu tố Hán Việt**  B. Là những từ được mượn từ tiếng Hán  C. Cả A và B đều đúng  D. Cả A và B đều sai  **Câu 3: Từ nào trong các câu sau đây có sử dụng yếu tố Hán Việt: “Xã tắc hai phen chồn ngựa đá**  **Non sông nghìn thuở vững âu vàng”**  A. Âu vàng  **C. Xã tắc**  B. Ngựa đá  D. Cả A và C  **Câu 4: Nghĩa của từ “tân binh” là gì**  A. Binh khí mới  B. Vũ khí mới  **D. Người lính mới**  C. Cả 3 đáp án trên đều đúng  **Câu 5: Xét về đặc điểm cấu tạo, từ được chia thành mấy loại?**  A. 2 loại: Từ đơn, từ ghép  B. 2 loại: Từ ghép, từ láy  C. 2 loại: Từ ghép, từ phức  **D. 2 loại: Từ đơn, từ phức**  Câu 6: **Từ phức được chia thành mấy loại. Kể tên.**  A. 3 loại: Từ đơn, từ láy, từ ghép  B. 3 loại: từ láy, từ phức, từ đơn  **C. 2 loại: Từ láy, từ ghép**  D. 2 loại: Từ đơn, từ ghép  **Câu 7: Từ ghép là gì?**  **A. Là những từ được cấu tạo bằng cách ghép 2 hoặc hơn 2 tiếng lại với nhau. Các từ có có mối quan hệ về nghĩa**  B. Từ ghép bao gồm từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ  C. Là ghép những từ có nghĩa lại với nhau  D. Là từ chỉ tính chất, hoạt động, trạng thái của con người  **Câu 8: Từ láy là gì?**  A. Từ láy là những từ có tiếng được ghép lại với nhau  B. Từ láy là những từ có sự đối xứng âm với nhau  C. Là những từ được cấu tạo bằng cách ghép 2 hoặc hơn 2 tiếng lại với nhau. Các từ có có mối quan hệ về nghĩa  **D. Từ láy là những từ có các tiếng lặp lại hoàn toàn,một số trường hợp tiếng đứng trước biến đổi thanh điệu, giống nhau phần phụ âm đầu hoặc phần vần** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Áp dụng được lí thuyết để thực hành làm bài tập

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: bài tập 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, làm các bài tập 1  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **Thao tác 2: Bài tập 3**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 3 SGK  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức  **Thao tác 3: Bài tập thảo luận**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động nhóm  + Chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành 4 nhiệm vụ/ 4 câu hỏi sau:  ***NV1***. Giải thích nghĩa của các cụm từ : *lớn nhanh như thổi, chết như ngả rạ*  ***NV2***. Tìm ra BPTT được sử dụng trong cụm từ vừa trên.  ***NV3***. Vận dụng biện pháp tu từ này để nói về một sự vật hoặc hoạt động được kể trong truyện Thánh Gióng.  ***NV4***. Phân tích câu vừa đặt được theo bảng mẫu dưới đây và nhận xét đó là kiểu so sánh gì?  + Thời gian: 5 phút  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  \* Từ có yếu tố *giả* được dùng theo nghĩa *kẻ, người:* Kí giả, soạn giả, tác giả, thính giả, độc giả, khán giả, sứ giả, ...  *\* Giải nghĩa từ đó*  - Tác giả: Người tạo ra tác phẩm, sản phẩm văn học  - Độc giả: Người đọc, người thưởng thức các tác phẩm văn học.  - Soạn giả: Người biên soạn.  - Thính giả: Người nghe (người nghe đài)  - Khán giả: Người xem  - Học giả: Người chuyên làm công tác nghiên cứu và có tri thức khoa học sâu rộng một lĩnh vực nào đó...  **Bài tập 3**  **- Cụm động từ**: xâm phạm bờ cõi, cất tiếng nói, lớn nhanh như thổi, chạy nhờ.  - **Cụm tính từ**: chăm làm ăn.  ***Đặt câu:***  - Giặc Ân đang *xâm phạm bờ cõi* của nước ta  - Gia đình bạn Nam *chăm* làm ăn nên có chút dư giả  **Bài tập thảo luận**  **\* Nhiệm vụ 1:**  + *lớn nhanh như thổi:* lớn lên nhanh, ngay tức thì y như người ta thổi hơi vào quả bóng.  + *chết như ngả rạ:* chết hàng loạt, xác nằm ngổn ngang, la liệt khắp mặt đất như người ta cắt rạ phơi ra ruộng  **\* Nhiệm vụ 2:**  **BPTT so sámh**  **\* Nhiệm vụ 3:**  Ví dụ mẫu:  + Giặc Ân chết như ngả rạ.  + Tháng Gióng lớn nhanh như thổi**.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Vế A (sự vật được so sánh) | Phương diện so sánh | Từ so sánh | Vế B (sự vật dùng để làm chuẩn so sánh) | | Giặc Ân | Chết | như | Ngả rạ | | Thánh Gióng | Lớn nhanh | như | Thổi | |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***- GV yêu cầu HS:*** Vận dụng kiến thức đã học. Viết một đoạn văn về đề tài tự do, có sử dụng 3 từ Hán Việt.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Rút kinh nghiệm**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**